

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT
ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
VĂN PHÒNG CÔNG TY**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 31

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102560459 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27/11/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 20/5/2024 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh và thay đổi thông tin của người đại diện theo pháp luật.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 12 ngày 20/5/2024 là 150.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm năm mươi tỷ đồng*).

Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên sàn HNX với Mã chứng khoán PPS.

Địa chỉ trụ sở chính của Công ty: Tầng 7, Toà nhà Hỗn Hợp HH3 Khu đô thị Mỹ Đình, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Văn phòng Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Bùi Duy Nhị	Chủ tịch
Ông Vũ Anh Tuấn	Thành viên
Bà Hoàng Hà Quỳnh Giao	Thành viên
Ông Vũ Huy An	Thành viên HĐQT độc lập
Ông Hồ Nguyễn Hoàng	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Quang Đông	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Mai Hoa	Thành viên
Bà Nghiêm Thị Phượng	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Vũ Anh Tuấn	Giám đốc
Ông Phùng Văn Đức	Phó Giám đốc
Ông Phan Xuân Thắng	Phó Giám đốc
Ông Lê Văn Tu	Phó Giám đốc
Ông Bùi Văn Chinh	Phó Giám đốc

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Văn phòng Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.


TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Văn phòng Công ty tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Văn phòng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Văn phòng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Văn phòng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Văn phòng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc, 



Vũ Anh Tuấn

Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2025

Số: 83/2025/BCKT-CPA VIETNAM-NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Văn phòng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam được lập ngày 28/2/2025, từ trang 06 đến trang 31, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Văn phòng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi một Công ty kiểm toán độc lập khác với Báo cáo kiểm toán ngày 29/02/2024 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.



Nguyễn Thị Mai Hoa

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 08/2025/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2025 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2025

Nguyễn Thị Tiến

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 5276-2021-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		243.229.485.540	223.339.138.701
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	29.804.046.763	26.791.511.087
1. Tiền	111		14.434.046.763	6.791.511.087
2. Các khoản tương đương tiền	112		15.370.000.000	20.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		32.542.986.361	59.470.000.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	32.542.986.361	59.470.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		164.029.591.553	109.527.882.459
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	147.459.152.668	103.207.386.971
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	7.822.082.000	211.292.080
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		5.600.716.654	2.706.215.087
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	3.147.640.231	3.402.988.321
IV. Hàng tồn kho	140	5.6	16.829.481.612	22.306.534.212
1. Hàng tồn kho	141		16.829.481.612	22.306.534.212
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		23.379.251	5.243.210.943
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	23.379.251	64.113.118
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	5.179.097.825
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+250+260)	200		44.735.204.585	41.515.640.539
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		17.860.000	17.860.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	17.860.000	17.860.000
II. Tài sản cố định	220		14.812.550.993	13.282.202.442
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	14.812.550.993	13.282.202.442
- Nguyên giá	222		90.391.332.652	86.426.879.276
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(75.578.781.659)	(73.144.676.834)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	-	-
- Nguyên giá	228		2.288.155.290	2.288.155.290
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.288.155.290)	(2.288.155.290)
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.10	5.040.000.000	5.040.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		5.040.000.000	5.040.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		24.864.793.592	23.175.578.097
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	24.864.793.592	23.175.578.097
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		287.964.690.125	264.854.779.240

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300=310)	300		98.568.436.065	76.277.858.800
I. Nợ ngắn hạn	310		98.568.436.065	76.277.858.800
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	43.037.547.759	27.513.448.168
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.12	10.993.626.666	1.192.198.584
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	5.436.627.955	3.330.009.699
4. Phải trả người lao động	314		31.773.694.672	31.366.784.904
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	594.805.914	4.408.532.293
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	5.641.408.996	6.996.801.357
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		1.090.724.103	1.470.083.795
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		189.396.254.060	188.576.920.440
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.16	189.396.254.060	188.576.920.440
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		150.000.000.000	150.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		150.000.000.000	150.000.000.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		20.686.994.576	20.686.994.576
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		18.709.259.484	17.889.925.864
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		121.242.018	68.826.262
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		18.588.017.466	17.821.099.602
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		287.964.690.125	264.854.779.240

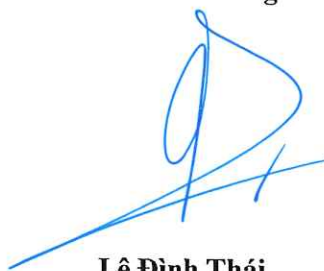
Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2025

Người lập biểu



Hoàng Thị Hồng Trang

Kế toán trưởng



Lê Đình Thái

Giám đốc



Vũ Anh Tuấn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

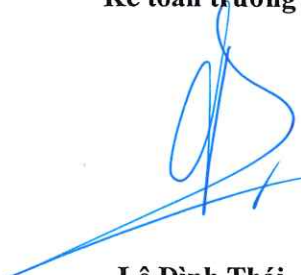
CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	368.107.185.777	296.769.654.248
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		368.107.185.777	296.769.654.248
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	306.227.464.293	233.905.923.380
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		61.879.721.484	62.863.730.868
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	3.929.517.772	6.588.557.763
7. Chi phí tài chính	22	6.4	115.452.378	69.724.653
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		33.335.617	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	41.195.621.052	43.011.154.743
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		24.498.165.826	26.371.409.235
11. Thu nhập khác	31	6.6	103.544.567	37.588.139
12. Chi phí khác	32	6.6	666.364.765	2.394.793.598
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		(562.820.198)	(2.357.205.459)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		23.935.345.628	24.014.203.776
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	5.355.942.841	6.200.256.283
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		18.579.402.787	17.813.947.493

Người lập biểu



Hoàng Thị Hồng Trang

Kế toán trưởng



Lê Đình Thái

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2025

Giám đốc



Vũ Anh Tuấn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		23.935.345.628	24.014.203.776
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		3.816.643.049	4.444.688.196
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		80.554.099	48.059.508
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.931.385.954)	(6.585.491.818)
- Chi phí lãi vay	06		33.335.617	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		23.934.492.439	21.921.459.662
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(50.977.978.347)	169.371.317.073
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		5.477.052.600	(4.197.804.401)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		24.061.480.115	(177.084.253.304)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.648.481.628)	(210.111.794)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(33.335.617)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(7.123.144.658)	(5.913.788.575)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(3.917.463.630)	(3.194.470.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(10.227.378.726)	692.348.661
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(5.346.991.600)	(6.160.039.177)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1.868.182	2.004.545
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(96.492.986.361)	(174.970.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		123.420.000.000	196.470.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.584.884.850	5.610.423.930
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		27.166.775.071	20.952.389.298
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền thu từ đi vay	33		8.000.000.000	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(8.000.000.000)	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(13.926.704.836)	(14.710.172.229)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(13.926.704.836)	(14.710.172.229)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		3.012.691.509	6.934.565.730
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		26.791.511.087	19.855.955.525
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(155.833)	989.832
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	29.804.046.763	26.791.511.087

Người lập biểu



Hoàng Thị Hồng Trang

Kế toán trưởng



Lê Đình Thái

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2025

Giám đốc




Vũ Anh Tuấn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102560459 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27/11/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 20/5/2024 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh và thay đổi thông tin của người đại diện theo pháp luật.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 12 ngày 20/5/2024 là 150.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm năm mươi tỷ đồng*).

Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên sàn HNX với Mã chứng khoán PPS.

Địa chỉ trụ sở chính của Công ty: Tầng 7, Toà nhà Hỗn Hợp HH3 Khu đô thị Mỹ Đình, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Văn phòng Công ty tại ngày 31/12/2024 là 426 người (tại ngày 31/12/2023 là 429 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp. Lắp đặt hiệu chỉnh đưa vào vận hành, bảo trì và nâng cấp các hệ thống thông tin viễn thông, hệ thống điều khiển phân tán và các hệ thống khác trong lĩnh vực ứng dụng công nghệ thông tin;
- Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác. Tư vấn chuyên ngành kỹ thuật điện cho quản lý xây dựng hệ thống điện - điện tử và tự động hóa cho các nhà máy điện, trạm biến áp và các dây chuyền công nghệ công nghiệp có cấp điện áp đến 500kV, công suất đến 4.000MW;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật;
- Sửa chữa thiết bị khác;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu;
- Hoạt động viễn thông khác;
- Sản xuất điện;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Xây dựng công trình công ích khác;
- Truyền tải và phân phối điện (Trừ truyền tải và điều độ hệ thống điện quốc gia);
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử viễn thông;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học;
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Sản xuất pin và ắc quy;
- Hoạt động tư vấn quản lý (Không gồm các dịch vụ tư vấn tài chính, kiểm toán, chứng khoán, bảo hiểm và tư vấn pháp lý);
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động;
- Hoạt động bảo vệ tư nhân;
- Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn;
- Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp;
- Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan;
- Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Vệ sinh chung nhà cửa.

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Cung cấp dịch vụ sửa chữa nhà máy điện.

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2024, Công ty có các đơn vị trực thuộc như sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Chi nhánh Cà Mau - Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Cà Mau	Quản lý và điều phối công nhân thi công công trình trên địa bàn
Chi nhánh Nhơn Trạch - Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Đồng Nai	Quản lý và điều phối công nhân thi công công trình trên địa bàn
Chi nhánh Hà Tĩnh - Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Hà Tĩnh	Quản lý và điều phối công nhân thi công công trình trên địa bàn
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam tại Đà Nẵng - Trung tâm thí nghiệm điện	Đà Nẵng	Kinh doanh dịch vụ thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị điện

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Văn phòng Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2012/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Văn phòng Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty kèm theo là Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty, do vậy, không bao gồm Báo cáo tài chính của đơn vị phụ thuộc là Chi nhánh Cà Mau, Chi nhánh Nhơn Trạch, Chi nhánh Hà Tĩnh và Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam tại Đà Nẵng – Trung tâm thí nghiệm điện. Người sử dụng Báo cáo tài chính nên đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 để có các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 03 tháng.

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với doanh nghiệp hoạt động thương mại: Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06
Máy móc, thiết bị	05 - 07
Phương tiện vận tải	05 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 07

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là các phần mềm quản lý được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các phần mềm quản lý được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 03- 05 năm.

Nguyên tắc kế toán thuê hoạt động

Các khoản thuê hoạt động của Công ty là thuê văn phòng. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí công cụ dụng cụ, chi phí thuê văn phòng và các chi phí khác.

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí thuê văn phòng theo hợp đồng thuê dài hạn với Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Việt Nguyên, Công ty thuê toàn bộ tầng 7 thuộc toà HH3 Sông Đà trong thời hạn 49 năm kể từ ngày 21/06/2010, tổng số tiền trả một lần là 32.402.000.000 VND. Khoản tiền thuê văn phòng trả trước sẽ được phân bổ vào chi phí hàng năm tương ứng với thời gian thuê.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty .

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty .
- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau: Chi phí tham quan học hỏi, nhân công thuê ngoài, chi phí đồng phục và các chi phí khác phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty: Trích trước theo hợp đồng cung cấp dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước như: Số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản. Hàng kỳ tính, xác định và kết chuyển doanh thu chưa thực hiện vào doanh thu trong năm phù hợp với thời gian thuê tài sản.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức/lợi nhuận được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty là doanh thu bán hàng hoá, cung cấp dịch vụ và doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác:

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn là tổng chi phí phát sinh của giá hàng hoá mua vào và giá vốn dịch vụ trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng hoạt động chính của Công ty là cung cấp dịch vụ vận hành nhà máy điện và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam nên không lập Báo cáo bộ phận.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Tiền mặt	178.745.919	153.894.052
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	14.255.300.844	6.637.617.035
Các khoản tương đương tiền	15.370.000.000	20.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng (*)	15.370.000.000	20.000.000.000
Tổng	29.804.046.763	26.791.511.087

(*): Bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng tại các Ngân hàng với lãi suất trong năm là 4,4%/năm.

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	32.542.986.361	32.542.986.361	59.470.000.000	59.470.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	32.542.986.361	32.542.986.361	59.470.000.000	59.470.000.000
Tổng	32.542.986.361	32.542.986.361	59.470.000.000	59.470.000.000

(*): Bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng tại các Ngân hàng với lãi suất là từ 2,9%/năm đến 4,6%/năm.

5.3 Phải thu khách hàng

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Ngắn hạn	147.459.152.668	103.207.386.971
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	10.242.380.066	47.519.934.227
Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh	15.824.484.104	18.652.639.071
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	-	3.546.640.264
Công ty TNHH KOMIPO Văn Phong Power Service	27.677.669.050	-
Công ty Nhiệt điện Nghi Sơn - Chi nhánh Tổng Công ty Phát điện 1	532.806.481	10.656.129.625
Trung tâm dịch vụ kỹ thuật	66.411.456.715	56.522.880
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	6.606.186.471	12.800.343.498
Phải thu các đối tượng khác	20.164.169.781	9.975.177.406
Tổng	147.459.152.668	103.207.386.971

Trong đó:

Phải thu khách hàng là các bên liên quan
(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)

99.492.889.843

82.576.079.940

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.4 Trả trước cho người bán

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	7.822.082.000	211.292.080
Công ty TNHH Dịch vụ và Xây dựng Khánh Anh	-	210.142.080
Công ty Cổ phần Công nghệ và Thương mại VIETNET	5.184.614.000	-
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Trường Khải	2.637.468.000	-
Các khoản trả trước cho người bán khác	-	1.150.000
Tổng	7.822.082.000	211.292.080

5.5 Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	3.147.640.231	-	3.402.988.321	-
- Phải thu khác	953.794.633	-	2.769.465.446	-
<i>Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay</i>	397.289.493	-	2.176.042.932	-
<i>Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia</i>	453.600.000	-	403.200.000	-
<i>Phải thu đối tượng khác</i>	102.905.140	-	190.222.514	-
Tạm ứng	1.723.897.723	-	486.075.000	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	469.947.875	-	147.447.875	-
Dài hạn	17.860.000	-	17.860.000	-
Ký quỹ, ký cược dài hạn	17.860.000	-	17.860.000	-
Tổng	3.165.500.231	-	3.420.848.321	-

5.6 Hàng tồn kho

	31/12/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	12.469.134	-	116.164.921	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	16.817.012.478	-	22.190.369.291	-
<i>Dự án Nhà máy điện Formosa Hà Tĩnh</i>	16.701.641.643	-	7.021.893.368	-
<i>Dự án nhà máy điện Nhơn Trạch 2</i>	-	-	11.414.042.758	-
<i>Các dự án khác</i>	115.370.835	-	3.754.433.165	-
Tổng	16.829.481.612	-	22.306.534.212	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.7 Chi phí trả trước

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	23.379.251	64.113.118
Công cụ dụng cụ xuất dùng	-	21.983.871
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	23.379.251	42.129.247
Dài hạn	24.864.793.592	23.175.578.097
Chi phí thuê văn phòng dài hạn (*)	20.980.465.005	21.608.309.349
Chi phí trả trước dài hạn khác	3.884.328.587	1.567.268.748
Tổng	24.888.172.843	23.239.691.215

(*) Khoản tiền thuê văn phòng theo hợp đồng thuê dài hạn với Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Việt Nguyên, Công ty thuê toàn bộ tầng 7 thuộc toà HH3 Sông Đà trong thời hạn 49 năm kể từ ngày 21/06/2010, tổng số tiền trả một lần là 32.402.000.000 VND. Khoản tiền thuê văn phòng trả trước sẽ được phân bổ vào chi phí hàng năm tương ứng với thời gian thuê.

5.8 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<i>Đơn vị tính: VND</i>				
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2024	1.334.200.000	41.824.168.093	20.336.310.320	22.932.200.863	86.426.879.276
Tăng trong năm	75.000.000	5.132.621.600	4.080.000.000	139.370.000	9.426.991.600
Mua trong năm	75.000.000	5.132.621.600	-	139.370.000	5.346.991.600
Phân loại lại	-	-	4.080.000.000	-	4.080.000.000
Giảm trong năm	-	4.630.234.000	-	832.304.224	5.462.538.224
Thanh lý, nhượng bán	-	550.234.000	-	832.304.224	1.382.538.224
Phân loại lại	-	4.080.000.000	-	-	4.080.000.000
Số dư tại 31/12/2024	<u>1.409.200.000</u>	<u>42.326.555.693</u>	<u>24.416.310.320</u>	<u>22.239.266.639</u>	<u>90.391.332.652</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2024	1.334.200.000	32.142.502.171	17.280.982.267	22.386.992.396	73.144.676.834
Tăng trong năm	846.774	1.625.261.089	5.375.715.275	310.819.853	7.312.642.991
Khấu hao trong năm	846.774	1.625.261.089	1.879.715.333	310.819.853	3.816.643.049
Phân loại lại	-	-	3.495.999.942	-	3.495.999.942
Giảm trong năm	-	4.046.233.942	-	832.304.224	4.878.538.166
Thanh lý, nhượng bán	-	550.234.000	-	832.304.224	1.382.538.224
Phân loại lại	-	3.495.999.942	-	-	3.495.999.942
Số dư tại 31/12/2024	<u>1.335.046.774</u>	<u>29.721.529.318</u>	<u>22.656.697.542</u>	<u>21.865.508.025</u>	<u>75.578.781.659</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2024	-	9.681.665.922	3.055.328.053	545.208.467	13.282.202.442
Tại ngày 31/12/2024	<u>74.153.226</u>	<u>12.605.026.375</u>	<u>1.759.612.778</u>	<u>373.758.614</u>	<u>14.812.550.993</u>

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31/12/2024 là 60.961.045.118 đồng (tại ngày 01/01/2024 là 57.652.896.704 đồng).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.9 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Phần mềm tin học VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại 01/01/2024	2.288.155.290	2.288.155.290
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2024	2.288.155.290	2.288.155.290
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại 01/01/2024	2.288.155.290	2.288.155.290
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2024	2.288.155.290	2.288.155.290
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2024	-	-
Tại ngày 31/12/2024	-	-

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng tại thời điểm 31/12/2024 và 01/01/2024 là 2.288.155.290 đồng.



VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 7, Toà nhà Hồn Hợp HH3 Khu đô thị Mỹ Đình,
Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.10 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	Tỷ lệ		31/12/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Vốn năm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào đơn vị khác			5.040.000.000	-	-	5.040.000.000
Công ty cổ phần Công nghệ Thông tin Viễn thông và Tự động hoá Dầu khí	11,90%	11,90%	5.040.000.000	(i)	-	5.040.000.000 (i)
Tổng			5.040.000.000		-	5.040.000.000

(i) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại các Công ty không niêm yết tại ngày kết thúc kỳ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.11 Phải trả người bán

	31/12/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	43.037.547.759	43.037.547.759	27.513.448.168	27.513.448.168
Công ty TNHH Megarig Industries	-	-	2.991.295.911	2.991.295.911
Công ty Cổ phần LIBERICO Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật & Thương mại Tâm Thành Phát	-	-	5.451.145.810	5.451.145.810
Công ty Cổ phần Nhân lực và Dịch vụ kỹ thuật XL	9.705.700.125	9.705.700.125	3.726.456.975	3.726.456.975
DESIGN BUILT PRIVATE LIMITED	6.885.546.278	6.885.546.278	5.479.726.919	5.479.726.919
Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Unicom	1.816.318.386	1.816.318.386	1.735.920.120	1.735.920.120
Các đối tượng khác	5.431.200.000	5.431.200.000	-	-
	19.198.782.970	19.198.782.970	8.128.902.433	8.128.902.433
Tổng	43.037.547.759	43.037.547.759	27.513.448.168	27.513.448.168

5.12 Người mua trả tiền trước

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	10.993.626.666	1.192.198.584
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	294.315.000	294.315.000
Sumec Complete Equipment & Engineering Co.,Ltd	897.883.584	897.883.584
Công ty nhiệt điện Mông Dương	2.234.244.444	-
Trung tâm dịch vụ kỹ thuật	7.567.183.638	-
Tổng	10.993.626.666	1.192.198.584

Trong đó:

Người mua trả tiền trước là các bên liên quan
(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)

7.861.498.638 294.315.000

5.13 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2024	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2024
	Phải nộp	3.330.009.699	20.921.709.790	18.815.091.534
Thuế giá trị gia tăng	-	10.363.662.134	6.472.011.606	3.891.650.528
Thuế XNK	-	2.519.924.206	2.519.924.206	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.014.502.834	5.355.942.841	7.123.144.658	1.247.301.017
Thuế thu nhập cá nhân	315.506.865	2.679.180.609	2.697.011.064	297.676.410
Lệ phí môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.14 Chi phí phải trả

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	594.805.914	4.408.532.293
Chi phí tham quan học hỏi	-	675.694.445
Chi phí học nghị tổng kết công tác	-	278.000.000
Chi phí quản lý nhãn hiệu tập đoàn	235.000.000	238.900.000
Chi phí đào tạo tay nghề và sáng kiến cải tiến kỹ thuật	-	949.077.559
Chi phí đồng phục	-	1.871.415.000
Chi phí phụ cấp độc hại	287.613.356	-
Trích trước chi phí khác	72.192.558	395.445.289
Tổng	594.805.914	4.408.532.293

5.15 Phải trả khác

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	5.641.408.996	6.996.801.357
Kinh phí công đoàn	335.733.618	392.145.140
Bảo hiểm xã hội	224.868.931	226.498.710
Bảo hiểm y tế	93.396.751	93.459.292
Bảo hiểm thất nghiệp	78.631.337	82.697.893
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	50.250.000	50.250.000
Phải trả, phải nộp khác	4.858.528.359	6.151.750.322
<i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả</i>	<i>1.195.775.584</i>	<i>1.022.546.057</i>
<i>Các khoản phải trả khác</i>	<i>3.662.752.775</i>	<i>5.129.204.265</i>
Tổng	5.641.408.996	6.996.801.357

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.16 Vốn chủ sở hữu

a. Biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2023	150.000.000.000	20.686.994.576	18.460.714.549	189.147.709.125
Lãi trong năm trước	-	-	17.813.947.493	17.813.947.493
Trích lập các quỹ	-	-	(3.693.979.472)	(3.693.979.472)
Chia cổ tức	-	-	(14.850.000.000)	(14.850.000.000)
Chi nhánh chuyển lợi nhuận	-	-	159.243.294	159.243.294
Số dư tại 31/12/2023	150.000.000.000	20.686.994.576	17.889.925.864	188.576.920.440
Số dư tại 01/01/2024	150.000.000.000	20.686.994.576	17.889.925.864	188.576.920.440
Lãi trong năm nay	-	-	18.579.402.787	18.579.402.787
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-	(3.538.103.938)	(3.538.103.938)
Chia cổ tức (*)	-	-	(14.100.000.000)	(14.100.000.000)
Chi nhánh chuyển lợi nhuận	-	-	(121.965.229)	(121.965.229)
Số dư tại 31/12/2024	150.000.000.000	20.686.994.576	18.709.259.484	189.396.254.060

(*) Theo Nghị quyết ĐHĐ cổ đông thường niên năm 2024 số 64/NQ/ĐHĐCĐ-DVKT ngày 10/4/2024 trong đó trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi 3.538.103.938 VND; chia cổ tức 14.100.000.000 VND.

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	76.500.000.000	76.500.000.000
YTL Power Service Sdn.Bhd.	27.000.000.000	27.000.000.000
America LLC	13.466.000.000	11.888.000.000
Vốn góp của cổ đông khác	33.034.000.000	34.612.000.000
Tổng	150.000.000.000	150.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	150.000.000.000	150.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	150.000.000.000	150.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	14.100.000.000	14.850.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.16 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

d. Cổ phiếu

	31/12/2024	01/01/2024
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.000.000	15.000.000
Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.000.000	15.000.000
Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Doanh thu bán vật tư, hàng hoá	42.834.761.422	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	325.272.424.355	296.769.654.248
Tổng	368.107.185.777	296.769.654.248
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu với các bên liên quan</i> <i>(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)</i>	<i>232.402.194.920</i>	<i>234.361.033.564</i>

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Giá vốn vật tư, hàng hoá	41.402.065.115	-
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	264.825.399.178	233.905.923.380
Tổng	306.227.464.293	233.905.923.380

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.475.917.772	6.180.287.273
Cổ tức, lợi nhuận được chia	453.600.000	403.200.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	-	5.070.490
Tổng	3.929.517.772	6.588.557.763

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi tiền vay	33.335.617	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.562.662	21.665.145
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	80.554.099	48.059.508
Tổng	115.452.378	69.724.653

6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp	41.195.621.052	43.011.154.743
Chi phí nhân viên quản lý	25.375.301.035	25.136.145.887
Chi phí vật liệu quản lý	2.044.643.022	1.964.416.175
Chi phí khấu hao TSCĐ	499.450.141	552.137.770
Thuế phí và lệ phí	124.135.874	163.233.971
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.968.133.529	9.815.364.269
Chi phí bằng tiền khác	6.183.957.451	5.379.856.671
Tổng	41.195.621.052	43.011.154.743

6.6 Thu nhập khác/Chi phí khác

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Thu nhập khác		
Thanh lý tài sản cố định	1.868.182	2.004.545
Tiền phạt thu được	89.536.383	4.351.226
Thu nhập khác	12.140.002	31.232.368
Tổng	103.544.567	37.588.139
Chi phí khác		
Phạt vi phạm hợp đồng	299.146.477	2.393.992.896
Tiền phạt chậm nộp thuế, BHXH, truy thu thuế	367.218.288	800.702
Tổng	666.364.765	2.394.793.598
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	(562.820.198)	(2.357.205.459)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

6.7 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	23.957.190.925	23.890.775.977
<i>Trong đó:</i>		
<i>Lợi nhuận Văn phòng Công ty</i>	<i>23.935.345.628</i>	<i>24.014.203.776</i>
<i>Lợi nhuận Chi nhánh</i>	<i>21.845.297</i>	<i>(123.427.799)</i>
Các khoản điều chỉnh tăng	834.256.339	7.491.715.437
<i>Chi phí không được trừ</i>	<i>834.256.339</i>	<i>7.491.715.437</i>
Các khoản điều chỉnh giảm	1.431.842.595	443.444.934
<i>Điều chỉnh giảm chi phí trích trước</i>	<i>302.548.150</i>	<i>40.244.934</i>
<i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	<i>453.600.000</i>	<i>403.200.000</i>
<i>Chi phí hạch toán năm trước cơ quan thuế chuyển chi phí sang năm nay</i>	<i>675.694.445</i>	<i>-</i>
Thu nhập tính thuế Thu nhập doanh nghiệp	23.359.604.669	30.939.046.480
Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.671.920.934	6.187.809.296
Điều chỉnh thuế TNDN các năm trước	684.021.907	12.446.987
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	5.355.942.841	6.200.256.283

6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	24.575.889.598	15.588.448.406
Chi phí nhân công	181.284.260.953	142.424.658.187
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.816.643.049	4.444.688.196
Chi phí dịch vụ mua ngoài	76.726.803.034	108.233.921.168
Chi phí khác bằng tiền	17.624.886.900	10.392.734.338
Tổng	304.028.483.534	281.084.450.295

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

7 THÔNG TIN KHÁC

7.1 Thông tin về các bên liên quan

Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

Các bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PVPower)	Công ty mẹ
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau (trực thuộc PVPower)	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch (trực thuộc PVPower)	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ
Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh (trực thuộc PVPower)	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ
Trung tâm dịch vụ kỹ thuật (PVPTSC) (trực thuộc PVPower)	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thủy điện Đakdrinh	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Năng lượng Tái tạo Điện lực Dầu khí	Cùng Công ty mẹ
BQLDA Điện lực Dầu khí Long Phú 1	Đơn vị trực thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
BQLDA Điện lực Dầu khí Sông Hậu 1	Đơn vị trực thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Chi nhánh Phát điện Dầu khí	Đơn vị trực thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (PAIC)	Ông Phan Xuân Thắng - Phó Giám đốc là Thành viên HĐQT, người đại diện vốn của PPS tại PAIC)
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát và các cá nhân có liên quan đến các thành viên quản lý chủ chốt	Ảnh hưởng đáng kể

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

a. Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc	Lương và thù lao	5.645.977.790	5.866.829.769

Trong đó chi tiết như sau:

Họ và tên	Chức danh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Ông Bùi Duy Nhị	Chủ tịch HĐQT	879.172.342	932.387.615
Ông Vũ Anh Tuấn	Thành viên kiêm Giám đốc	878.562.749	932.040.028
Ông Phan Ngọc Anh	Thành viên (Miễn nhiệm 20/4/2023)	-	15.000.000
Ông Hồ Nguyễn Hoàng	Thành viên	686.735.771	440.078.599
Bà Hoàng Hà Quỳnh Giao	Thành viên	60.000.000	60.000.000
Ông Vũ Huy An	Thành viên	60.000.000	60.000.000
Ông Phùng Văn Đức	Phó Giám đốc	724.397.935	758.748.715
Ông Phan Xuân Thắng	Phó Giám đốc	728.672.463	787.884.615
Ông Lê Văn Tu	Phó Giám đốc	775.829.253	785.322.170
Ông Bùi Văn Chính	Phó Giám đốc	720.607.276	709.284.188
Ông Phạm Hùng Anh	Trưởng BKS (Miễn nhiệm 20/4/2023)	-	269.083.839
Ông Nguyễn Quang Đông	Trưởng BKS	60.000.000	54.000.000
Bà Nguyễn Thị Mai Hoa	Thành viên BKS	36.000.000	27.000.000
Bà Nghiêm Thị Phượng	Thành viên BKS	36.000.000	36.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

b. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Mua hàng			1.205.245.301	1.335.800.031
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	Trực thuộc Công ty mẹ	Cung cấp dịch vụ	1.080.894.355	1.195.538.421
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	Trực thuộc Công ty mẹ	Cung cấp dịch vụ	124.350.946	140.261.610
Bán hàng			232.402.194.920	234.361.033.564
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	Trực thuộc Công ty mẹ	Cung cấp dịch vụ	21.177.575.188	14.319.159.136
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	Trực thuộc Công ty mẹ	Cung cấp dịch vụ	33.973.412.764	76.085.575.738
Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh	Trực thuộc Công ty mẹ	Cung cấp dịch vụ	60.577.726.947	75.260.067.162
Trung tâm dịch vụ kỹ thuật (PVPTSC)	Trực thuộc Công ty mẹ	Cung cấp dịch vụ	61.492.089.550	22.595.354.237
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	Cùng Công ty mẹ	Cung cấp dịch vụ	51.030.401.555	45.019.626.201
BQLDA Điện lực Dầu khí Sông Hậu 1	Trực thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Cung cấp dịch vụ	-	434.714.727
Công ty Cổ phần Năng lượng Tái tạo Điện lực Dầu khí	Cùng Công ty mẹ	Cung cấp dịch vụ	699.988.916	-
Chi nhánh Phát điện Dầu khí	Trực thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Cung cấp dịch vụ	3.451.000.000	-
BQLDA Điện lực Dầu khí Long Phú 1			-	646.536.363
Tiền phạt hợp đồng			-	2.387.632.896
Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh	Trực thuộc Công ty mẹ	Phạt hợp đồng	-	2.387.632.896

c. Số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan	Mối quan hệ	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Phải thu khách hàng		99.492.889.843	82.576.079.940
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	Trực thuộc Công ty mẹ	-	3.546.640.264
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	Cùng Công ty mẹ	6.606.186.471	12.800.343.498
Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh	Trực thuộc Công ty mẹ	15.824.484.104	18.652.639.071
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	Trực thuộc Công ty mẹ	10.242.380.066	47.519.934.227
Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật	Trực thuộc Công ty mẹ	66.411.456.715	56.522.880
Công ty CP năng lượng tái tạo điện lực dầu khí	Cùng Công ty mẹ	126.502.487	-
Chi nhánh Phát điện Dầu khí	Trực thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	281.880.000	-
Người mua trả tiền trước		7.861.498.638	294.315.000
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Công ty mẹ	294.315.000	294.315.000
Trung tâm dịch vụ kỹ thuật	Trực thuộc Công ty mẹ	7.567.183.638	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

7.2 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính văn phòng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC.

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2025

Người lập biểu

Hoàng Thị Hồng Trang

Kế toán trưởng

Lê Đình Thái

Giám đốc



Vũ Anh Tuấn

